TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ VANG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:134/2023/QĐST-HNGĐ	*Phú Vang, ngày 21 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 61/2023/VDS- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Phạm Văn N**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- **Chị Trần Thị Quỳnh N1**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 10/03/2023, Tòa án nhân dân huyện Phú Vang nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, đối với người yêu cầu là anh Phạm Văn N và chị Trần Thị Quỳnh N1, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn N và chị Trần Thị Quỳnh N1.

- Về con chung: Phạm Văn N và chị Trần Thị Quỳnh N1 có 01 con chung là Phạm Văn Duy P, sinh ngày 08/9/2020. Sau khi ly hôn thỏa thuận anh N giao lại con là Phạm Văn Duy P cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh N đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến lúc con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tổ chức hòa giải nhưng hòa giải đoàn tụ không thành. Tại biên bản hòa giải ngày 11 tháng 8 năm 2023 anh Phạm Văn N và chị Trần Thị Quỳnh N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu như ban đầu và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên đương sự. Cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn N và chị Trần Thị Quỳnh N1 thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai đương sự thống nhất giao con là Phạm Văn Duy P, sinh ngày 08/9/2020 cho chị Trần Thị Quỳnh N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn N đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến lúc con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Phạm Văn N và chị Trần Thị Quỳnh N1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 150.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà anh N, chị N1 đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005146 và 0005147 ngày 06/4/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau**:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn N và chị Trần Thị Quỳnh N1 thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai đương sự thống nhất giao con là Phạm Văn Duy P, sinh ngày 08/9/2020 cho chị Trần Thị Quỳnh N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn N đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến lúc con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị N1 có đơn yêu cầu thi hành án mà anh N chưa thanh toán thì hàng tháng anh N còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại điều

357 và điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn N và chị Trần Thị Quỳnh N1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 150.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà anh N, chị N1 đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005146 và 0005147 ngày 06/4/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Vang;
- Chi cục THADS huyện Phú Vang;
- UBND xã Vinh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Sơn